

**CHÍNH PHỦ**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----

Số: 10/2011/NĐ-CP

*Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2011*

**NGHỊ ĐỊNH**

VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 141/2006/NĐ-CP NGÀY 22 THÁNG 11 NĂM 2006 VỀ BAN HÀNH DANH MỤC MỨC VỐN PHÁP ĐỊNH CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;  
Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;  
Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;  
Xét đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản quy định tại Nghị định số 141/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng như sau:**

1. Khoản 1 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Tổ chức tín dụng được cấp giấy phép thành lập và hoạt động phải có biện pháp bảo đảm có số vốn điều lệ thực góp hoặc được cấp tối thiểu tương đương mức vốn pháp định quy định tại Danh mục ban hành kèm theo, chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2011”.

2. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Quyền hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

1. Trong thời gian các tổ chức tín dụng chưa đảm bảo mức vốn pháp định theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không xem xét việc mở rộng mạng lưới hoạt động (chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp, các loại hình hiện diện khác theo quy định của pháp luật) và việc mở rộng nội dung hoạt động của tổ chức tín dụng.

2. Sau ngày 31 tháng 12 năm 2011, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định xử lý theo quy định của pháp luật đối với tổ chức tín dụng không đảm bảo vốn pháp định quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này.”

**Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 03 năm 2011.

**Điều 3. Trách nhiệm thi hành**

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**Nơi**

**nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (5b)

**Nguyễn Tấn Dũng**

**DANH MỤC**

**MỨC VỐN PHÁP ĐỊNH CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 10/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ)*

STT	Loại hình tổ chức tín dụng	Mức vốn pháp định áp dụng cho đến năm 2011
<b>I</b>	<b>Ngân hàng</b>	
1	Ngân hàng thương mại	
a	Ngân hàng thương mại Nhà nước	3.000 tỷ đồng
b	Ngân hàng thương mại cổ phần	3.000 tỷ đồng
c	Ngân hàng liên doanh	3.000 tỷ đồng
d	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	3.000 tỷ đồng
đ	Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	15 triệu USD
2	Ngân hàng chính sách	5.000 tỷ đồng
3	Ngân hàng đầu tư	3.000 tỷ đồng
4	Ngân hàng phát triển	5.000 tỷ đồng

5	Ngân hàng hợp tác	3.000 tỷ đồng
6	Quỹ tín dụng nhân dân	
a	Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương	3.000 tỷ đồng
b	Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở	0,1 tỷ đồng
<b>II</b>	<b>Tổ chức tín dụng phi ngân hàng</b>	
1	Công ty tài chính	500 tỷ đồng
2	Công ty cho thuê tài chính	150 tỷ đồng